

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY MẸ**

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 6</b>
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>7 - 8</b>
<b>3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng	9 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 47



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-TTg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 7 ngày 06/01/2022, vốn điều lệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) là 6.827.674.750.000-đồng và được chia thành 682.767.475 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,27%
2	Cổ đông khác	4.958.975	0,73%
<b>Cộng</b>		<b>682.767.475</b>	<b>100%</b>

**2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Tổng công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch	
- Ông Ngô Trí Thịnh	Thành viên	
- Ông Nguyễn Đức Pha	Thành viên	
- Ông Hoàng Phó Hiềng	Thành viên	(i) Đến ngày 28/04/2021
- Ông Phạm Xuân Phong	Thành viên	(i) Đến ngày 28/04/2021
- Ông Nguyễn Trung Thực	Thành viên	(i) Từ ngày 28/04/2021
- Ông Nguyễn Đức Thảo	Thành viên độc lập	(i) Từ ngày 28/04/2021

(i) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP số 06/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 28/04/2021.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty đã điều hành hoạt động của Tổng công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Ngô Trí Thịnh	Tổng Giám đốc	
- Ông Bùi Minh Tân	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Nguyễn Trung Thực	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Hoàng Phó Hiềng	Phó Tổng Giám đốc	(ii) Đến ngày 31/05/2021
- Ông Đoàn Xuân Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	(iii) Từ ngày 01/10/2021
- Ông Nghiêm Xuân Chiến	Phó Tổng Giám đốc	(iii) Từ ngày 01/10/2021
(ii) Theo nghị quyết số 09/NQ-ĐLTKV ngày 01/03/2021 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP.		
(iii) Theo nghị quyết số 52/NQ-ĐLTKV ngày 16/09/2021 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP.		

Các thành viên của Ban kiểm soát của Tổng công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Phạm Văn Thường	Trưởng ban	(i) Đến ngày 28/04/2021
- Ông Lê Ngọc Nam	Trưởng ban	(i) Từ ngày 28/04/2021
- Bà Bùi Thu Thái	Thành viên	
- Bà Bùi Thị Tố Uyên	Thành viên	(i) Đến ngày 28/04/2021
- Bà Đào Thị Hoàng Yến	Thành viên	(i) Từ ngày 28/04/2021

**3. Trụ sở**

Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP có trụ sở chính tại tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021, Công ty mẹ bao gồm các chi nhánh phụ thuộc sau:

1. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
2. Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại thôn Đồng Rì, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
4. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
6. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
7. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại số 10 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;
8. Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, địa chỉ tại tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. (\*)

(\*) Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV - Chi nhánh Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP được thành lập ngày 29/12/2021 theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0104297034-008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31/12/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty mẹ được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán đính kèm.

**5. Sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Trong năm 2021, Thực hiện Hợp đồng sáp nhập số 28/2021/HĐSN/DTK-NDCP ngày 16/08/2021, Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP (Mã chứng khoán: DTK) đã nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (Mã chứng khoán: NCP) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của NCP sang DTK theo hình thức hoán đổi cổ phiếu, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của NCP. Theo đó, tại ngày 28/11/2021, Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP đã phát hành và hoán đổi 2.767.475 cổ phiếu cho 290 cổ đông của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (ngoại trừ cổ đông là chính Tổng Công ty) theo tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu là 1:0,58 (tức 01 cổ phiếu NCP sẽ được đổi lấy 0,58 cổ phiếu DTK).

Ngày 29/12/2021, Hội đồng quản trị Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP đã ban hành Nghị quyết số 76/NQ-ĐLTKV thông qua việc dừng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV để thực hiện bàn giao, sáp nhập về Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP kể từ 0 giờ ngày 31/12/2021.

**6. Các khoản bất thường và sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ**

Đến thời điểm lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tổng công ty bị phản ánh sai lệch.

**7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Tổng công ty.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty mẹ. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

13440  
CÔNG  
H NHIỆM  
PK  
VIỆT N  
XUÂN



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**9. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty mẹ và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



540-  
TY  
HỮU  
F  
AM  
- T.P.

Số: 60/2022/BCKT- PKF.VPC

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (Công ty mẹ) được lập ngày 30 tháng 03 năm 2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 9 đến trang 47 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Nguyễn Như Tiến**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0449-2018-242-1

**Đỗ Thị Ánh Tuyết**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0079-2018-242-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2021	01/01/2021
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.192.536.620.335</b>	<b>5.719.606.694.282</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	143.073.489.593	413.810.821.504
Tiền	111		143.073.489.593	413.810.821.504
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>14.700.000.000</b>	<b>24.700.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.700.000.000	24.700.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.572.969.076.204</b>	<b>5.104.169.178.401</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	3.485.189.666.186	3.776.519.367.374
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.335.729.926	13.957.565.103
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	226.114.905
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.3	62.939.045.836	1.232.293.893.663
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	16.999.521.255	81.172.237.356
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(494.886.999)	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>323.240.777.933</b>	<b>113.981.952.131</b>
Hàng tồn kho	141		323.240.777.933	113.981.952.131
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>138.553.276.605</b>	<b>62.944.742.246</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	1.576.922.000	1.747.132.898
Thuế GTGT được khấu trừ	152		97.203.395.227	60.997.609.348
Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		39.772.959.378	200.000.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.076.362.440.255</b>	<b>13.477.187.694.967</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>213.374.940.840</b>	<b>1.766.716.247.541</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.3	213.174.940.840	1.766.516.247.541
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	200.000.000	200.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.091.143.916.232</b>	<b>9.297.831.706.690</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>5.9</b>	<b>12.034.264.543.748</b>	<b>9.264.509.538.088</b>
- Nguyên giá	222		32.603.049.161.795	22.149.884.347.490
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20.568.784.618.047)	(12.885.374.809.402)
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>5.10</b>	<b>56.879.372.484</b>	<b>33.322.168.602</b>
- Nguyên giá	228		69.040.181.323	45.950.656.941
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(12.160.808.839)	(12.628.488.339)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.8</b>	<b>107.109.270.310</b>	<b>73.293.454.647</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		898.025.842	1.053.494.656
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		106.211.244.468	72.239.959.991
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>1.351.066.437.751</b>	<b>1.656.496.559.363</b>
Đầu tư vào công ty con	251		126.127.703.592	2.048.308.180.128
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.224.938.734.159	1.224.938.734.159
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(1.616.750.354.924)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>313.667.875.122</b>	<b>682.849.726.726</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	143.928.644.477	230.646.707.382
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.17	-	315.008.195.744
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		169.739.230.645	137.194.823.600
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>18.268.899.060.590</b>	<b>19.196.794.389.249</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2021	01/01/2021
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.519.091.249.474</b>	<b>11.549.074.617.893</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.586.821.692.278</b>	<b>5.093.247.224.433</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.884.852.458.873	2.270.959.420.363
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.010.478.000	1.456.895.800
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	38.363.925.626	111.022.243.244
Phải trả người lao động	314		118.436.784.108	111.753.013.862
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	39.358.792.942	46.351.257.304
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	216.726.738.768	11.624.929.643
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	3.263.817.244.910	2.514.799.598.071
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		24.255.269.051	25.279.866.146
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.932.269.557.196</b>	<b>6.455.827.393.460</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	5.12	370.216.414.600	399.289.200.586
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	4.543.932.125.525	6.038.417.175.803
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		18.121.017.071	18.121.017.071
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>7.749.807.811.116</b>	<b>7.647.719.771.356</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>7.749.807.811.116</b>	<b>7.647.719.771.356</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.827.674.750.000	6.800.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.827.674.750.000	6.800.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(45.000.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		37.616.425.647	3.269.425.647
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		884.561.635.469	844.450.345.709
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		321.332.595.709	199.539.168.432
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		563.229.039.760	644.911.177.277
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>18.268.899.060.590</b>	<b>19.196.794.389.249</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nhung



Nguyễn Thị Hà




Ngô Trí Thịnh

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	11.521.970.599.757	11.282.802.904.874
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>11.521.970.599.757</b>	<b>11.282.802.904.874</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	10.446.320.858.080	9.845.317.718.498
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1.075.649.741.677</b>	<b>1.437.485.186.376</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	455.004.237.966	311.429.937.231
Chi phí tài chính	22	6.4	416.217.983.918	887.372.193.016
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		127.900.332.237	202.468.862.667
Chi phí bán hàng	25	6.7	203.765.455	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	234.427.883.257	232.813.415.419
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>879.804.347.013</b>	<b>628.729.515.172</b>
Thu nhập khác	31	6.5	62.426.973.609	364.994.896
Chi phí khác	32	6.6	209.867.731	9.544.447.448
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>62.217.105.878</b>	<b>(9.179.452.552)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>942.021.452.891</b>	<b>619.550.062.620</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	63.784.217.387	179.653.080.504
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		315.008.195.744	(205.014.195.161)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>563.229.039.760</b>	<b>644.911.177.277</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

  
Ngô Trí Thịnh

Nguyễn Hồng Nhung

Nguyễn Thị Hà



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

CHI TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KD</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		942.021.452.891	619.550.062.620
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.459.264.386.545	1.105.614.450.144
Các khoản dự phòng	03		(1.616.750.354.924)	659.641.961.643
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(23.446.223.677)	3.578.522.927
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(347.430.731.126)	(280.384.510.827)
Chi phí lãi vay	06		127.900.332.237	202.468.862.667
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>541.558.861.946</b>	<b>2.310.469.349.174</b>
Tăng, Giảm các khoản phải thu	09		257.219.485.120	(400.676.604.794)
Tăng, Giảm hàng tồn kho	10		(241.803.232.847)	(23.181.760.246)
Tăng, Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		349.452.962.049	476.025.214.316
Tăng, Giảm chi phí trả trước	12		86.888.273.803	(36.896.617.060)
Tiền lãi vay đã trả	14		(135.494.219.583)	(733.962.688.718)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(159.653.080.504)	(221.180.842.152)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		14.057.616.732	9.569.258.638
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(58.773.420.194)	(40.940.728.040)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>653.453.246.522</b>	<b>1.339.224.581.118</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS DH khác	21		(536.042.459.501)	(132.209.656.335)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	(30.000.000)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.637.000.000.000)	(2.897.044.148.252)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.060.415.630.436	2.748.241.537.968
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(165.001.407.202)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		375.807.814.321	801.468.302.398
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>263.180.985.256</b>	<b>355.424.628.577</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	4.553.067.633.349	4.125.897.918.670
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(5.298.535.036.788)	(5.126.392.612.677)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(441.904.160.250)	(510.073.724.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.187.371.563.689)</b>	<b>(1.510.568.418.257)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(270.737.331.911)</b>	<b>184.080.791.438</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		413.810.821.504	229.730.030.066
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>143.073.489.593</b>	<b>413.810.821.504</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Ngô Trí Thịnh

Nguyễn Hồng Nhung

Nguyễn Thị Hà



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-TTg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 7 ngày 06/01/2022, vốn điều lệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) là 6.827.674.750.000 đồng và được chia thành 682.767.475 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,27%
2	Cổ đông khác	4.958.975	0,73%
<b>Cộng</b>		<b>682.767.475</b>	<b>100%</b>

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty mẹ là Đầu tư xây dựng, khai thác, vận hành các nhà máy nhiệt điện, các nhà máy thủy điện; Sản xuất điện; Mua bán điện; Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình điện.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Văn phòng Tổng công ty có trụ sở tại tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021, Công ty mẹ có các chi nhánh phụ thuộc sau:

1. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
2. Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại thôn Đồng Rì, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

4. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
5. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
6. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
7. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại số 10 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;
8. Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, địa chỉ tại tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. (\*)

(\*) Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV - Chi nhánh Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP được thành lập ngày 29/12/2021 theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0104297034-008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty mẹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Tổng công ty.

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty mẹ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3 Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại thành tài sản và nợ phải trả, vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam lần lượt theo tỷ giá mua vào và bán ra của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Công văn số 31/TKV-KTTC ngày 04/01/2022 của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 22.640 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.920 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.920 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

**4.4 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty mẹ và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty mẹ áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, vật tư và hàng hoá được xác định theo các phương pháp nhập trước xuất trước và bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

#### **4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

##### **4.6.1 Tài sản cố định hữu hình**

***Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/04/2014***

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản đưa vào sử dụng trước ngày 01/04/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/08/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

***Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/04/2014***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng sau ngày 01/04/2014 bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty mẹ như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
- Máy móc, trang thiết bị	3 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	10 năm

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021, Công ty mẹ thực hiện trích khấu hao nhanh đối với TSCĐ hữu hình máy móc, trang thiết bị, phương tiện vận tải, truyền dẫn và thiết bị, dụng cụ quản lý với hệ số là 2 lần (năm 2020 Công ty mẹ không thực hiện khấu hao nhanh).

**4.6.2 Tài sản cố định vô hình**

***Đối với những tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/04/2014***

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/04/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/08/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

***Đối với những tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/04/2014***

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tăng sau ngày 01/04/2014 bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ như sau:

- Phần mềm máy vi tính	3 - 6 năm
- Quyền sử dụng đất	8 - 50 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	6 năm

**4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.8 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn sau 90 ngày nhưng từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

- + Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được lập trong trường hợp công ty con đó bị lỗ dẫn đến việc Công ty mẹ có khả năng mất vốn hoặc giá trị các khoản Công ty mẹ đầu tư vào công ty con đó bị suy giảm. Giá trị dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được xác định căn cứ vào khoản lỗ của công ty con được đầu tư và giá gốc tương ứng của khoản đầu tư đó đang được hạch toán trên sổ kế toán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

- + Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được lập căn cứ vào giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy hoặc khoản lỗ của bên được đầu tư (nếu giá trị hợp lý không thể được xác định một cách đáng tin cậy) và giá gốc tương ứng của khoản đầu tư đó đang được hạch toán trên sổ kế toán.

**4.9 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

**4.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.11 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty mẹ và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.12 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**4.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp ban đầu của Công ty mẹ được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Tổng công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0104297034 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 7 ngày 06/01/2022, vốn điều lệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) là 6.827.674.750.000 đồng và được chia thành 682.767.475 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Tổng công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Nhà đầu tư	Theo điều lệ		Vốn góp thực tế tại 31/12/2021	Tỷ lệ góp vốn (%)
	Số cổ phần	Giá trị (VND)		
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000	100%
Các cổ đông khác	4.958.975	49.589.750.000	49.589.750.000	100%
<b>Cộng</b>	<b>682.767.475</b>	<b>6.827.674.750.000</b>	<b>6.827.674.750.000</b>	<b>100%</b>

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

**4.14 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty mẹ có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm, khi Công ty mẹ đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty mẹ có quyền nhận khoản lãi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**4.15 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí tài chính của Công ty mẹ bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty mẹ.

**4.16 Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng:** các sản phẩm của Công ty mẹ chịu thuế suất 10%

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:** thể hiện tổng giá trị của số thuế thu nhập hiện hành và số thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.17 Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty mẹ bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết) và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty mẹ bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuê tài chính và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Tiền mặt tại quỹ (i)	881.457.344	336.931.693
Tiền gửi ngân hàng (ii)	142.192.032.249	413.473.889.811
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>143.073.489.593</b>	<b>413.810.821.504</b>
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2021 bao gồm:		
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		881.457.344
<b>Cộng</b>		<b>881.457.344</b>
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2021 bao gồm:		
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Ngoại tệ (USD)		-
Đồng Việt Nam		142.192.032.249
<b>Cộng</b>		<b>142.192.032.249</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn	14.700.000.000	14.700.000.000	24.700.000.000	24.700.000.000
Dài hạn	1.351.066.437.751	1.351.066.437.751	3.273.246.914.287	1.656.496.559.363
Đầu tư vào Công ty con	126.127.703.592	126.127.703.592	2.048.308.180.128	431.557.825.204
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	-	-	1.922.180.476.536	305.430.121.612
- Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV	126.127.703.592	126.127.703.592	126.127.703.592	126.127.703.592
Đầu tư vào công ty khác	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159
- Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân	386.597.424.159	386.597.424.159	386.597.424.159	386.597.424.159
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	360.500.000.000	360.500.000.000	360.500.000.000	360.500.000.000
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	477.841.310.000	477.841.310.000	477.841.310.000	477.841.310.000
<b>Cộng</b>	<b>1.365.766.437.751</b>	<b>1.365.766.437.751</b>	<b>3.297.946.914.287</b>	<b>1.681.196.559.363</b>
				<b>(1.616.750.354.924)</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con và các công ty khác được đầu tư tại ngày 31/12/2021:**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Đầu tư vào công ty con:</b>				
Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV	Quảng Nam	88,77%	88,77%	Sản xuất than và sản xuất điện
<b>Đầu tư vào công ty khác:</b>				
Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân	Bình Thuận	5%	5%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	7,21%	7,21%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	10,62%	10,62%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**5.3 Phải thu về cho vay**

	31/12/2021			01/01/2021		
	(VND)			(VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>62.939.045.836</b>	<b>62.939.045.836</b>	-	<b>1.232.293.893.663</b>	<b>1.232.293.893.663</b>	-
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	-	-	-	1.209.742.347.827	1.209.742.347.827	-
+ Gốc vay ngắn hạn	-	-	-	943.000.000.000	943.000.000.000	-
+ Cho vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	266.742.347.827	266.742.347.827	-
Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV	62.939.045.836	62.939.045.836	-	22.551.545.836	22.551.545.836	-
+ Cho vay dài hạn đến hạn trả	62.939.045.836	62.939.045.836	-	22.551.545.836	22.551.545.836	-
<b>Dài hạn</b>	<b>213.174.940.840</b>	<b>213.174.940.840</b>	-	<b>1.766.516.247.541</b>	<b>1.766.516.247.541</b>	-
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	-	-	-	1.490.402.260.865	1.490.402.260.865	-
Công ty CP Than - Điện Nông Sơn - TKV	213.174.940.840	213.174.940.840	-	276.113.986.676	276.113.986.676	-
<b>Cộng</b>	<b>276.113.986.676</b>	<b>276.113.986.676</b>	-	<b>2.998.810.141.204</b>	<b>2.998.810.141.204</b>	-



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**5.4 Phải thu khách hàng**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.776.519.367.374</b>	<b>3.776.519.367.374</b>
Công ty Mua bán điện (*)	3.477.425.701.565	1.763.620.184.421
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	-	2.009.928.673.307
Các khách hàng khác	7.763.964.621	2.970.509.646
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.485.189.666.186</b>	<b>3.776.519.367.374</b>

(\*) Số dư phải thu Công ty Mua bán điện tại ngày 31/12/2021 bao gồm 807.771.082.251 đồng nhận bàn giao khi thực hiện nhận sáp nhập Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV.

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>16.999.521.255</b>	<b>-</b>	<b>81.172.237.356</b>	<b>-</b>
Phải thu về lãi cho vay	709.648.126	-	29.061.785.120	-
Lãi chậm trả	-	-	34.619.748.715	-
Phải thu khác (i)	16.289.873.129	-	17.490.703.521	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>200.000.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	200.000.000	-	200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>17.199.521.255</b>	<b>-</b>	<b>81.372.237.356</b>	<b>-</b>

(i) Phải thu khác	31/12/2021 (VND)
Thuế GTGT tiền điện tiêu thụ tạm nộp	9.914.999.706
Các khoản khác	6.374.873.423
<b>Cộng</b>	<b>16.289.873.129</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	494.886.999	-	-	-
Từ 3 năm trở lên	494.886.999	-	-	-
Công ty CP Dịch vụ thương mại Á Châu	459.574.000	-	-	-
Công ty CP SX và TM Nhất Thành Phát	18.172.000	-	-	-
Đối tượng khác	17.140.999	-	-	-

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	321.938.774.791	-	112.668.181.701	-
Công cụ, dụng cụ	1.302.003.142	-	1.313.770.430	-
<b>Cộng</b>	<b>323.240.777.933</b>	<b>-</b>	<b>113.981.952.131</b>	<b>-</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**5.8 Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>898.025.842</b>	<b>1.053.494.656</b>
Chi phí thực hiện đề tài nghiên cứu sử dụng nắm giữ tại NMNĐ Cao Ngạn	-	1.053.494.656
Chi phí nghiên cứu xử lý tro bay động trên đường ngang lò hơi CFB tại NMNĐ Sơn Động	842.435.842	
Khác	55.590.000	-
<b>b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>106.211.244.468</b>	<b>72.239.959.991</b>
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	66.643.872.253	56.793.491.551
<i>Xây dựng bãi thải xỉ NMNĐ Na Dương giai đoạn 2011 - 2012 (nay là giai đoạn 2013 - 2015)</i>	<i>20.091.928.227</i>	<i>18.132.291.906</i>
<i>Dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương 2</i>	<i>37.276.974.059</i>	<i>34.287.551.485</i>
<i>Dự án khác</i>	<i>9.274.969.967</i>	<i>4.373.648.160</i>
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	39.567.372.215	15.446.468.440
<i>Hệ thống xử lý than</i>	<i>515.643.000</i>	<i>13.097.647.984</i>
<i>Lò hơi số 1</i>	<i>3.154.921.151</i>	-
<i>Lò hơi số 2</i>	<i>3.957.306.626</i>	-
<i>Đại tu tổ máy H1</i>	<i>6.953.443.217</i>	-
<i>Hệ thống cấp than vào lò 1, 2</i>	<i>6.240.189.550</i>	-
<i>Hệ thống vận chuyển than năm 2021</i>	<i>4.094.802.057</i>	-
<i>Hệ thống Bypass tổ máy 1</i>	<i>7.038.272.065</i>	-
<i>Dự án khác</i>	<i>7.612.794.549</i>	<i>2.348.820.456</i>
<b>Cộng</b>	<b>107.109.270.310</b>	<b>73.293.454.647</b>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiên trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	6.814.316.378.714	14.771.848.600.575	253.202.406.709	54.670.575.254	255.846.386.238	22.149.884.347.490
- Tăng do nhận sáp nhập NDGP	1.931.698.305.561	8.249.533.599.762	62.884.937.980	3.304.240.700	4.231.769.415	10.251.652.853.418
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDGB hoàn thành	88.208.483.940	152.812.081.410	-	3.240.046.817	547.808	244.261.159.975
- Tăng khác	-	352.138.742.458	61.393.292.057	-	-	413.532.034.515
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(162.380.740.390)	(16.435.896.309)	-	(32.887.876.256)	(244.576.720.648)	(456.281.233.603)
Số dư cuối năm	8.671.842.427.825	23.509.897.127.896	377.480.636.746	28.326.986.515	15.501.982.813	32.603.049.161.795
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	2.574.900.233.707	9.777.360.941.923	229.734.637.333	52.036.962.326	251.342.034.113	12.885.374.809.402
- Tăng do nhận sáp nhập NDGP	633.176.270.660	5.571.703.618.281	60.576.086.193	2.440.274.556	4.231.769.415	6.272.128.019.105
- Khấu hao trong năm	343.696.722.967	1.089.632.610.168	20.285.295.645	2.603.994.510	544.725.426	1.456.763.348.716
- Hao mòn trong năm	638.223.434	-	-	-	-	638.223.434
- Tăng khác	-	228.818.826.110	61.092.896.162	4.570.836	-	289.916.293.108
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(37.552.053.408)	(22.851.802.820)	-	(32.887.776.257)	(242.744.443.233)	(336.036.075.718)
Số dư cuối năm	3.514.859.397.360	16.644.664.193.662	371.688.915.333	24.198.025.971	13.374.085.721	20.568.784.618.047
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	4.239.416.145.007	4.994.487.658.652	23.467.769.376	2.633.612.928	4.504.352.125	9.264.509.538.088
Tại ngày cuối năm	5.156.983.030.465	6.865.232.934.234	5.791.721.413	4.128.960.544	2.127.897.092	12.034.264.543.748
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo khoản vay:						
						11.091.524.724.257
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						3.416.758.084.085
Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:						9.010.550.652





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	37.643.581.593	7.200.955.984	1.106.119.364	45.950.656.941
- Tăng do sáp nhập NĐCP	-	591.263.000	287.486.580	878.749.580
- Mua trong năm	-	-	844.337.143	844.337.143
- Tăng khác	25.587.178.344	-	-	25.587.178.344
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	(4.220.740.685)	-	-	(4.220.740.685)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>59.010.019.252</b>	<b>7.792.218.984</b>	<b>2.237.943.087</b>	<b>69.040.181.323</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Số dư đầu năm	6.888.354.658	4.950.424.709	789.708.972	12.628.488.339
- Tăng do sáp nhập NĐCP	-	591.263.000	191.123.306	782.386.306
- Khấu hao trong năm	939.913.022	986.752.080	574.372.727	2.501.037.829
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	(3.751.103.635)	-	-	(3.751.103.635)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.077.164.045</b>	<b>6.528.439.789</b>	<b>1.555.205.005</b>	<b>12.160.808.839</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	30.755.226.935	2.250.531.275	316.410.392	33.322.168.602
Tại ngày cuối năm	54.932.855.207	1.263.779.195	682.738.082	56.879.372.484
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ VH dùng để thế chấp đảm bảo khoản vay:				44.243.985.819
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				2.211.921.943

**5.11 Chi phí trả trước**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.576.922.000</b>	<b>1.747.132.898</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	340.491.581	1.416.292.255
Bản quyền phần mềm	747.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	489.430.419	330.840.643
<b>b. Dài hạn</b>	<b>143.928.644.477</b>	<b>230.646.707.382</b>
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	91.895.218.296	188.364.671.519
Chi phí giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình	28.523.823.944	31.179.516.355
Chi phí trả trước dài hạn khác	23.509.602.237	11.102.519.508
<b>Cộng</b>	<b>145.505.566.477</b>	<b>232.393.840.280</b>





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2021 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn	943.000.000.000	943.000.000.000	4.209.911.196.902	3.623.000.000.000	1.529.911.196.902	1.529.911.196.902
a.1 Gốc vay ngắn hạn	943.000.000.000	943.000.000.000	4.209.911.196.902	3.623.000.000.000	1.529.911.196.902	1.529.911.196.902
Vay ngân hàng	943.000.000.000	943.000.000.000	4.209.911.196.902	3.623.000.000.000	1.529.911.196.902	1.529.911.196.902
b. Gốc vay và nợ dài hạn	7.610.216.773.874	7.610.216.773.874	343.156.436.447	1.675.535.036.788	6.277.838.173.533	6.277.838.173.533
b1. Gốc vay dài hạn	7.245.216.773.874	7.245.216.773.874	343.156.436.447	1.605.535.036.788	5.982.838.173.533	5.982.838.173.533
- Từ 1 năm đến 5 năm	28.765.322.500	28.765.322.500	40.447.846.920	22.966.715.000	46.246.454.420	46.246.454.420
Vay ngân hàng	28.765.322.500	28.765.322.500	40.447.846.920	22.966.715.000	46.246.454.420	46.246.454.420
- Trên 5 năm	7.216.451.451.374	7.216.451.451.374	302.708.589.527	1.582.568.321.788	5.936.591.719.113	5.936.591.719.113
Vay ngân hàng	3.969.102.530.090	3.969.102.530.090	296.410.929.340	734.627.931.828	3.530.885.527.602	3.530.885.527.602
Vay Tập đoàn	3.247.348.921.284	3.247.348.921.284	6.297.660.187	847.940.389.960	2.405.706.191.511	2.405.706.191.511
b2. Gốc nợ dài hạn	365.000.000.000	365.000.000.000	-	70.000.000.000	295.000.000.000	295.000.000.000
- Từ 5 năm đến 10 năm	365.000.000.000	365.000.000.000	-	70.000.000.000	295.000.000.000	295.000.000.000
Trái phiếu phát hành (*)	365.000.000.000	365.000.000.000	-	70.000.000.000	295.000.000.000	295.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.553.216.773.874</b>	<b>8.553.216.773.874</b>	<b>4.553.067.633.349</b>	<b>5.298.535.036.788</b>	<b>7.807.749.370.435</b>	<b>7.807.749.370.435</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

		01/01/2021 (VND)		31/12/2021 (VND)	
		Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>c.</b>	<b>Phân loại gốc vay nợ dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>1.571.799.598.071</b>	<b>1.571.799.598.071</b>	<b>1.733.906.048.008</b>	<b>1.733.906.048.008</b>
<b>c.1.</b>	<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.501.799.598.071</b>	<b>1.501.799.598.071</b>	<b>1.663.906.048.008</b>	<b>1.663.906.048.008</b>
	Vay Ngân hàng	691.120.364.219	691.120.364.219	863.873.574.072	863.873.574.072
	Vay Tập đoàn	810.679.233.852	810.679.233.852	800.032.473.936	800.032.473.936
<b>c.2</b>	<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>
	Trái phiếu phát hành	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
<b>d.</b>	<b>Số dư tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>8.553.216.773.874</b>	<b>8.553.216.773.874</b>	<b>7.807.749.370.435</b>	<b>7.807.749.370.435</b>
<b>d.1</b>	<b>Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)</b>	<b>2.514.799.598.071</b>	<b>2.514.799.598.071</b>	<b>3.263.817.244.910</b>	<b>3.263.817.244.910</b>
<b>d.2</b>	<b>Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)</b>	<b>6.038.417.175.803</b>	<b>6.038.417.175.803</b>	<b>4.543.932.125.525</b>	<b>4.543.932.125.525</b>

(\*) Trái phiếu phát hành năm 2018:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 400.000.000.000 đồng (bốn trăm tỷ đồng) được đảm bảo bằng tài sản. Phát hành ngày 31/07/2018 và đáo hạn ngày 31/07/2025. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Trái chủ (Ngân hàng TMCP Tiên Phong) được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 31/07/2018 cho đến nhưng không bao gồm ngày 31/07/2025 (ngày đáo hạn) và được trả 6 tháng 1 lần vào ngày 31/07 và 31/01 hàng năm với mức lãi suất áp dụng như sau:

- + Lãi suất kỳ đầu tiên là 9,8%/năm
- + Lãi suất các kỳ sau bằng tổng của 3,1%/năm và trung bình cộng lãi suất lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, áp dụng với cá nhân, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho cá nhân công bố tại trang Web của 04 ngân hàng lớn của Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam vào 11h00 tại ngày xác định lãi suất.





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải trả Nhà nước**

	01/01/2021 (VND)	Tăng do nhận sáp nhập NĐCP	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021 (VND)
<b>a. Phải nộp</b>					
Thuế giá trị gia tăng	21.450.851.125	-	262.682.477.818	263.617.894.146	20.515.434.797
Thuế thu nhập doanh nghiệp	71.794.080.504	-	63.784.217.387	135.578.297.891	-
Thuế thu nhập cá nhân	674.459.337	300.058.098	5.918.805.259	5.232.298.454	1.661.024.240
Thuế tài nguyên	10.490.860.208	-	64.922.359.101	67.503.334.978	7.909.884.331
Thuế đất và tiền thuê đất	-	-	1.369.614.353	1.369.614.353	-
Các loại thuế khác	-	-	14.108.518	14.108.518	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.611.992.070	-	34.954.189.700	33.288.599.512	8.277.582.258
<b>Cộng</b>	<b>111.022.243.244</b>	<b>300.058.098</b>	<b>433.645.772.136</b>	<b>506.604.147.852</b>	<b>38.363.925.626</b>
<b>b. Phải thu</b>					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	24.074.782.613	24.074.782.613
Thuế giá trị gia tăng	200.000.000	-	200.000.000	14.638.889.883	14.638.889.883
Thuế đất và tiền thuê đất	-	569.516.306	528.112.292	1.017.882.868	1.059.286.882
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000</b>	<b>569.516.306</b>	<b>728.112.292</b>	<b>39.731.555.364</b>	<b>39.772.959.378</b>

Quyết toán thuế của Tổng công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**5.15 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>39.358.792.942</b>	<b>46.351.257.304</b>
Chi phí lãi vay phải trả	32.526.421.101	40.120.308.447
Chi phí phải trả khác	6.832.371.841	6.230.948.857
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>39.358.792.942</b>	<b>46.351.257.304</b>

**5.16 Phải trả khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>216.726.738.768</b>	<b>11.624.929.643</b>
Khoản phải nộp quỹ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp	172.981.748.229	-
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản - TKV - Lãi chậm trả	34.831.838.379	923.484.030
Phải trả nhà thầu SFECO	4.322.434.076	4.322.434.076
Các khoản khác	4.590.718.084	6.379.011.537
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>216.726.738.768</b>	<b>11.624.929.643</b>

**5.17 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (VND)	-	315.008.195.744
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>315.008.195.744</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại TS	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	6.800.000.000.000	-	-	3.269.425.647	737.999.168.432	7.541.268.594.079
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	644.911.177.277	644.911.177.277
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(538.460.000.000)	(538.460.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước/ đầu năm nay</b>	<b>6.800.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Tăng vốn trong năm nay	27.674.750.000	-	-	3.269.425.647	844.450.345.709	7.647.719.771.356
Tăng khác	-	-	-	-	-	27.674.750.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	34.347.000.000	-	34.347.000.000
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	563.229.039.760	563.229.039.760
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(45.000.000)	-	-	(523.117.750.000)	(523.117.750.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.827.674.750.000</b>	<b>(45.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>37.616.425.647</b>	<b>884.561.635.469</b>	<b>7.749.807.811.116</b>

(\*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP số 06/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 28/04/2021: thực hiện chia cổ tức 442.000.000.000 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển 34.347.000.000 đồng, trích quỹ thưởng Viên chức quản lý số tiền 600.750.000 đồng và trích lập quỹ Khen thưởng, Phúc lợi số tiền 46.170.000.000 đồng.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**(\*) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000
Vốn của đối tượng khác	49.589.750.000	21.915.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.827.674.750.000</b>	<b>6.800.000.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn đầu năm	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
Vốn tăng trong năm	27.674.750.000	-
Vốn giảm trong năm	-	-
Vốn cuối năm	6.827.674.750.000	6.800.000.000.000

**Cổ phiếu**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
<b>Số lượng CP đăng ký phát hành</b>	<b>682.767.475</b>	<b>680.000.000</b>
<b>Số lượng CP đã bán ra công chúng</b>	<b>682.767.475</b>	<b>680.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	682.767.475	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>682.767.475</b>	<b>680.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	682.767.475	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Doanh thu bán hàng	11.420.066.452.993	11.192.369.348.207
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	101.904.146.764	90.433.556.667
<b>Cộng</b>	<b>11.521.970.599.757</b>	<b>11.282.802.904.874</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Giá vốn hàng bán	10.348.101.265.840	9.758.965.403.855
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	98.219.592.240	86.352.314.643
<b>Cộng</b>	<b>10.446.320.858.080</b>	<b>9.845.317.718.498</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.949.665.486	4.754.428.571
Tiền cổ tức và lợi nhuận được chia	345.506.011.841	275.661.947.279
Lãi chênh lệch tỷ giá	72.095.364.608	6.195.573.611
Doanh thu tài chính khác	35.453.196.031	24.817.987.770
<b>Cộng</b>	<b>455.004.237.966</b>	<b>311.429.937.231</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền vay	127.900.332.237	202.468.862.667
Lỗ chênh lệch tỷ giá phân bổ	173.007.898.656	10.443.112.436
Chi phí tài chính khác	65.571.077.706	14.818.256.270
Lỗ phát sinh từ việc nhận sáp nhập NĐCP	1.666.489.030.243	-
(Hoàn nhập)/ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.616.750.354.924)	659.641.961.643
<b>Cộng</b>	<b>416.217.983.918</b>	<b>887.372.193.016</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**6.5 Thu nhập khác**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Điều chỉnh khấu hao TSCĐ các năm trước	46.860.582.018	-
Điều chỉnh chi phí SCL các năm trước	5.853.149.015	-
Thu nhập khác	9.713.242.576	364.994.896
<b>Cộng</b>	<b>62.426.973.609</b>	<b>364.994.896</b>

**6.6 Chi phí khác**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí khác	209.867.731	9.544.447.448
<b>Cộng</b>	<b>209.867.731</b>	<b>9.544.447.448</b>

**6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>234.427.883.257</b>	<b>232.813.415.419</b>
Chi phí nhân viên	125.336.679.265	107.849.649.295
Chi phí khấu hao	12.177.139.617	18.889.507.222
Dịch vụ mua ngoài	23.447.423.824	23.913.968.773
Các khoản khác	73.466.640.551	82.160.290.129
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	<b>203.765.455</b>	-
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>234.631.648.712</b>	<b>232.813.415.419</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.278.085.777.188	8.224.208.795.921
Chi phí nhân công	325.117.529.418	315.241.384.259
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.459.264.386.542	1.104.594.358.054
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.780.198.013	163.106.461.984
Chi phí khác bằng tiền	353.708.440.790	270.980.133.699
<b>Cộng</b>	<b>10.680.956.331.951</b>	<b>10.078.131.133.917</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 (VND)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>942.021.452.891</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(256.042.069.275)
- Các khoản điều chỉnh tăng (Do hoạt động nhận sáp nhập doanh nghiệp và các điều chỉnh theo kết luận của Kiểm toán nhà nước, ...)	1.547.597.330.091
- Các khoản điều chỉnh giảm (Do hoạt động nhận sáp nhập doanh nghiệp và các thu nhập được miễn thuế, ...)	(1.920.388.640.382)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>569.230.142.600</b>
Chuyển lỗ năm trước	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>569.230.142.600</b>
<b>Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất 20%</b>	<b>113.846.028.520</b>
<b>Thuế TNDN được miễn giảm (*)</b>	<b>(56.923.014.260)</b>
<b>Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước</b>	<b>6.861.203.127</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>63.784.217.387</b>

(\*) Thuế TNDN được miễn giảm 50% xác định trên thu nhập tính thuế phát sinh tại một số Chi nhánh phụ thuộc theo quy định trong giấy phép đầu tư và Luật thuế TNDN.

**7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 4.553.067.633.349 đồng

**7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường 5.298.535.036.788 đồng

**8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1. Công cụ tài chính**

Công ty mẹ chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty mẹ.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty mẹ chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty mẹ.

Công ty mẹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty mẹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty mẹ chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.

Công ty mẹ có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ.

*Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu*

Cổ phiếu do Công ty mẹ nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào một số dự án nhiệt điện có cùng các rủi ro. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn và chưa được niêm yết nên Công ty mẹ đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty mẹ có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

*Phải thu khách hàng*

Công ty mẹ thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty mẹ xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty mẹ tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty mẹ sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty mẹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty mẹ theo chính sách của Công ty mẹ. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty mẹ đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty mẹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty mẹ sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty mẹ giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty mẹ và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 31/12/2021</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	143.073.489.593	-	143.073.489.593
Phải thu khách hàng	3.485.189.666.186	-	3.485.189.666.186
Đầu tư tài chính	14.700.000.000	1.224.938.734.159	1.239.638.734.159
Phải thu về cho vay	62.939.045.836	213.174.940.840	276.113.986.676
Phải thu khác	16.999.521.255	200.000.000	17.199.521.255
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(494.886.999)	-	(494.886.999)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.722.406.835.871</b>	<b>1.438.313.674.999</b>	<b>5.160.720.510.870</b>
<b>Ngày 31/12/2021</b>			
Phải trả người bán	1.884.852.458.873	370.216.414.600	2.255.068.873.473
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	256.085.531.710	-	256.085.531.710
Các khoản vay và nợ	3.263.817.244.910	4.543.932.125.525	7.807.749.370.435
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.404.755.235.493</b>	<b>4.914.148.540.125</b>	<b>10.318.903.775.618</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(1.682.348.399.622)</b>	<b>(3.475.834.865.126)</b>	<b>(5.158.183.264.748)</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 01/01/2021</b>			
<b><i>Giá trị ghi sổ:</i></b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	413.810.821.504	-	413.810.821.504
Phải thu khách hàng	3.776.519.367.374	-	3.776.519.367.374
Đầu tư tài chính	24.700.000.000	1.224.938.734.159	1.249.638.734.159
Phải thu về cho vay	1.232.293.893.663	1.766.516.247.541	2.998.810.141.204
Phải thu khác	81.172.237.356	200.000.000	81.372.237.356
<b><i>Trừ:</i></b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.528.496.319.897</b>	<b>2.991.654.981.700</b>	<b>8.520.151.301.597</b>
<b>Ngày 01/01/2021</b>			
Phải trả người bán	2.270.959.420.363	399.289.200.586	2.670.248.620.949
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	57.976.186.947	-	57.976.186.947
Các khoản vay và nợ	2.514.799.598.071	6.038.417.175.803	8.553.216.773.874
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.843.735.205.381</b>	<b>6.437.706.376.389</b>	<b>11.281.441.581.770</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>684.761.114.516</b>	<b>(3.446.051.394.689)</b>	<b>(2.761.290.280.173)</b>

Công ty mẹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty mẹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư tài chính	1.239.638.734.159	1.249.638.734.159	1.239.638.734.159	1.249.638.734.159
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	3.485.189.666.186	3.776.519.367.374	3.485.684.553.185	3.776.519.367.374
<i>Các khoản PT khác</i>	293.313.507.931	3.080.182.378.560	293.313.507.931	3.080.182.378.560
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	143.073.489.593	413.810.821.504	143.073.489.593	413.810.821.504
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.161.215.397.869</b>	<b>8.520.151.301.597</b>	<b>5.160.720.510.870</b>	<b>8.520.151.301.597</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Phải trả người bán</i>	2.255.068.873.473	2.670.248.620.949	2.255.068.873.473	2.670.248.620.949
<i>Phải trả khác</i>	256.085.531.710	57.976.186.947	256.085.531.710	57.976.186.947
<i>Vay và nợ</i>	7.807.749.370.435	8.553.216.773.874	7.807.749.370.435	8.553.216.773.874
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.318.903.775.618</b>	<b>11.281.441.581.770</b>	<b>10.318.903.775.618</b>	<b>11.281.441.581.770</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**8.2 Báo cáo bộ phận**

Tổng công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: Doanh thu bán hàng và Doanh thu cung cấp dịch vụ. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Doanh thu bán hàng VND	Doanh thu cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
<b>Năm 2020</b>			
Doanh thu	11.192.369.348.207	90.433.556.667	11.282.802.904.874
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Giá vốn hàng bán	9.758.965.403.855	86.352.314.643	9.845.317.718.498
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.433.403.944.352</b>	<b>4.081.242.024</b>	<b>1.437.485.186.376</b>
<b>Năm 2021</b>			
Doanh thu	11.420.066.452.993	101.904.146.764	11.521.970.599.757
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Giá vốn hàng bán	10.348.101.265.840	98.219.592.240	10.446.320.858.080
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.071.965.187.153</b>	<b>3.684.554.524</b>	<b>1.075.649.741.677</b>

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ chỉ phát sinh tại khu vực nội địa nên Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

**8.3 Sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Trong năm 2021, Thực hiện Hợp đồng sáp nhập số 28/2021/HĐSN/DTK-NDCP ngày 16/08/2021, Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP (Mã chứng khoán: DTK) đã nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (Mã chứng khoán: NCP) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của NCP sang DTK theo hình thức hoán đổi cổ phiếu, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của NCP. Theo đó, tại ngày 28/11/2021, Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP đã phát hành và hoán đổi 2.767.475 cổ phiếu cho 290 cổ đông của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (ngoại trừ cổ đông là chính Tổng Công ty) theo tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu là 1:0,58 (tức 01 cổ phiếu NCP sẽ được đổi lấy 0,58 cổ phiếu DTK).

Ngày 29/12/2021, Hội đồng quản trị Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP đã ban hành Nghị quyết số 76/NQ-ĐLTKV thông qua việc dừng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV để thực hiện bàn giao, sáp nhập về Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP kể từ 0 giờ ngày 31/12/2021.

**8.4 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán bị phản ánh sai lệch.

**8.5 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh Báo cáo tài chính riêng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hồng Nhung**

**Nguyễn Thị Hà**



**Ngô Trí Thịnh**